

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam theo Quyết định số 248/QĐ/BXD ngày 7/2/2007 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103017088 ngày 4/5/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm (05) ngày 7/10/2013 thay đổi mã số doanh nghiệp thành mã 0100106183.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VCC ENGINEERING CONSULTANTS JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: VCC.

Công ty con được hợp nhất:

- Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng VCC Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103026639 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 09 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 01 với mã số doanh nghiệp 0102903339 ngày 14 tháng 03 năm 2011. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam nắm giữ 67% vốn thực góp.
- Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng VCC Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102957937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2008, thay đổi lần thứ sáu (06) ngày 09 tháng 5 năm 2013. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam nắm giữ 75% vốn thực góp.

Trụ sở chính của Công ty: Số 10 Hoa Lư, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Huy Ánh	Ủy quyền điều hành vai trò Chủ tịch (Từ ngày 01/12/2015)
	Ông Lê Quang Đạo	Chủ tịch (Miễn nhiệm 01/12/2015)
	Ông Vũ Minh Sơn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Bằng	Ủy viên
	Ông Đoàn Đức Phi	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Trần Huy Ánh	Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Cao Tuấn Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Khắc Bằng	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Trần Huy Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Số: 238/2016/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015
của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam, được lập ngày 22/03/2016, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Đình Văn Thắng**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 16/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Mai Hoa**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		122.455.141.734	97.996.231.809
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	27.611.426.733	20.784.272.507
1. Tiền	111		6.206.818.390	11.520.224.252
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.404.608.343	9.264.048.255
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	5.020.376.000	12.989.988.333
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.020.376.000	12.989.988.333
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.545.859.206	35.362.698.335
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	21.308.911.959	19.445.650.191
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		101.000.000	486.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	19.208.385.692	15.912.343.423
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(72.438.445)	(481.295.279)
IV. Hàng tồn kho	140		47.947.704.341	27.271.047.466
1. Hàng tồn kho	141	5.5	47.947.704.341	27.271.047.466
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.329.775.454	1.588.225.168
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	39.029.973	165.815.944
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.538.888	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	1.284.206.593	1.422.409.224
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.690.848.618	10.827.317.717
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.254.522.524	7.850.139.163
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	5.787.838.467	7.119.362.406
- Nguyên giá	222		19.623.808.134	19.656.555.672
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.835.969.667)	(12.537.193.266)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	466.684.057	730.776.757
- Nguyên giá	228		1.691.436.200	1.691.436.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.224.752.143)	(960.659.443)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	2.360.165.463	2.626.423.076
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(639.834.537)	(373.576.924)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.076.160.631	350.755.478
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	1.076.160.631	350.755.478
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		132.145.990.352	108.823.549.526

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		103.765.162.923	80.905.556.856
I. Nợ ngắn hạn	310		102.604.772.469	79.923.088.129
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		828.682.320	5.035.097.435
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	37.649.440.979	23.906.713.035
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	496.919.085	807.736.160
4. Phải trả người lao động	314		220.400.000	52.500.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.454.505	5.454.650
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	62.598.206.779	49.395.855.174
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	300.000.000	350.000.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		505.668.801	369.731.675
II. Nợ dài hạn	330		1.160.390.454	982.468.727
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.160.390.454	982.468.727
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.380.827.429	27.917.992.670
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	28.346.676.861	27.883.842.102
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		18.000.000.000	18.000.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.460.301.030	7.003.891.286
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.807.815.190	1.812.794.821
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		472.114.275	338.416.728
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		-	-
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		472.114.275	338.416.728
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		606.446.366	728.739.267
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		34.150.568	34.150.568
1. Nguồn kinh phí	432		34.150.568	34.150.568
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		132.145.990.352	108.823.549.526
(440 = 300+400)				

Người lập



Liễu Bích Liên

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thăng

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc



Trần Huy Ánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

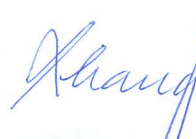
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	113.683.477.453	106.998.419.496
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.15	698.998.338	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.15	112.984.479.115	106.998.419.496
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	91.516.994.610	88.317.747.023
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		21.467.484.505	18.680.672.473
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	684.148.343	1.402.809.285
7. Chi phí tài chính	22	5.18	284.034.584	(64.378.482)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>17.517.500</i>	<i>9.290.876</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		16.080.107.182	13.129.163.563
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		5.787.491.082	7.018.696.677
11. Thu nhập khác	31	5.19	5.547.567	549.762.793
12. Chi phí khác	32	5.19	88.245.261	1.916.149.535
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.19	(82.697.694)	(1.366.386.742)
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		5.704.793.388	5.652.309.935
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	1.280.682.482	1.631.047.354
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.424.110.906	4.021.262.581
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		4.319.927.502	3.913.035.728
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		104.183.404	108.226.853
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	1.352	2.174

Người lập



Liễu Bích Liên

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thăng

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc



Trần Huy Ánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	137.496.637.004	108.901.655.709
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(99.246.440.060)	(59.786.434.575)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(12.370.266.856)	(37.738.248.833)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(22.972.150)	(7.930.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.985.879.480)	(2.349.282.943)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.183.160.975	10.696.400.249
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(28.918.321.894)	(18.098.287.504)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	135.917.539	1.617.872.103
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(97.227.272)	(39.881.819)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	10.436.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.884.936.088)	(6.710.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.986.500.000	19.058.558.064
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	666.381.771	1.274.701.761
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.681.154.411	13.582.878.006
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	300.000.000	350.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(350.000.000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.942.851.922)	(2.299.517.178)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.992.851.922)	(1.949.517.178)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	6.824.220.028	13.251.232.931
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.784.272.507	7.563.803.642
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.934.198	(30.764.066)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	27.611.426.733	20.784.272.507

Người lập



Liễu Bích Liên

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thăng

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc



Trần Huy Ánh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam theo Quyết định số 248/QĐ/BXD ngày 7/2/2007 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103017088 ngày 4/5/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm (05) ngày 7/10/2013 thay đổi mã số doanh nghiệp thành mã 0100106183.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VCC ENGINEERING CONSULTANTS JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: VCC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 (năm) là 18.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	918.000	9.180.000.000	51%
Các cổ đông khác	882.000	8.820.000.000	49%
Cộng	1.800.000	18.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 8-11, tòa nhà số 10 Hoa Lư, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm 2015: 274 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9000; Thiết kế, thi công nội, ngoại thất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật đô thị; Tư vấn, thiết kế hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải; khai thác nước ngầm và xử lý chất thải rắn; Tư vấn, thiết kế điện công trình dân dụng và công nghiệp; Đo đạc, đo vẽ bản đồ địa hình; đo độ lún; đo độ nghiêng; đo độ chuyển dịch và định vị công trình; Khảo sát địa chất công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, cầu, đường bộ; Thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình công nghiệp, dân dụng, cầu, đường bộ, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị; Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, khu đô thị, khu công nghệ cao, khu kinh tế đặc thù, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và điểm dân cư nông thôn; Thiết kế hệ thống mạng thông tin – liên lạc công trình xây dựng; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Giám sát xây dựng và hoàn thiện; loại công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện công trình dân dụng, công nghiệp; Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 2; Tư vấn đấu thầu và hợp đồng về thiết kế, thi công xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký); Thiết kế phòng cháy chữa cháy công trình xây dựng; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp; đường dây và trạm biến áp có điện áp đến 110KV; Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ cấp thoát nước công trình xây dựng;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Thí nghiệm xác định chỉ tiêu kỹ thuật của đất, đá, nền móng công trình xây dựng; kiểm định các cấu kiện xây dựng và chất lượng công trình; Xác định hiện trạng; đánh giá nguyên nhân sự cố và giải pháp xử lý công trình; Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; Kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Bồi dưỡng và tập huấn về công tác tư vấn xây dựng (chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ dịch thuật; Tư vấn về kinh tế xây dựng cho các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn xin giấy phép đầu tư dự án, thành lập doanh nghiệp; Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; Kinh doanh và chuyển giao công nghệ xây dựng các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường; Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; Lập bản cam kết bảo vệ môi trường;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Xử lý nền móng các loại công trình; Lập, thẩm tra tổng dự toán và dự toán các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu, cảng, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị, hàng không và thông tin liên lạc; Lập, thẩm tra báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, thông tin liên lạc, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; Tổng thầu tư vấn các dự án có vốn đầu tư trong nước và nước ngoài tại Việt Nam;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp và vệ sinh môi trường;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuê và chứng khoán);

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2015: Tư vấn thiết kế xây dựng

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Trung tâm tư vấn quản lý dự án và giám sát xây dựng;
- Trung tâm kiến trúc số 1;
- Trung tâm kiến trúc số 2;
- Trung tâm kết cấu 1;
- Trung tâm kết cấu 2;
- Trung tâm hạ tầng, kỹ thuật;
- Trung tâm dự án đầu tư;
- Trung tâm tư vấn các dự án quốc tế;
- Trung tâm tư vấn xây dựng dân dụng và đô thị;
- Trung tâm tư vấn công nghệ và môi trường;
- Trung tâm khảo sát và kiểm định xây dựng;
- Trung tâm công nghệ mới và kiến trúc sáng tạo;
- Chi nhánh công ty tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh công ty tại TP Hồ Chí Minh.

Công ty có 02 Công ty con là: Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng VCC Việt Nam. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam nắm giữ 67% vốn thực góp và Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng VCC Việt Nam, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam nắm giữ 75% vốn thực góp.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính hợp nhất cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam, các công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng VCC Việt Nam và Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng VCC Hà Nội.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2015
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 11
Máy móc và thiết bị	03
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị văn phòng	03

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.012.393.918	605.778.495
Tiền gửi ngân hàng	5.194.424.472	10.914.445.757
Các khoản tương đương tiền	21.404.608.343	9.264.048.255
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	21.404.608.343	9.264.048.255
Tổng	27.611.426.733	20.784.272.507

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	5.020.376.000	5.020.376.000	12.989.988.333	12.989.988.333
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.020.376.000	5.020.376.000	12.989.988.333	12.989.988.333
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	5.020.376.000	5.020.376.000	12.989.988.333	12.989.988.333

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	21.308.911.959	19.445.650.191
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 1 Hà Nội (HICC1)	631.898.173	1.576.898.173
Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	2.113.080.000	-
Công ty CP Đầu tư Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà 7	401.129.773	-
Các đối tượng khác	18.162.804.013	17.868.752.018
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	21.308.911.959	19.445.650.191

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	19.208.385.692	-	15.912.343.423	-
- BHXH nộp thừa	56.955.709	-	11.937.469	-
- Phải thu BHXH, BHYT	330.173.475	-	402.595.131	-
- Phải thu thuế TNCN	414.310.357	-	155.794.995	-
- Phải thu các công trình	5.458.645.067	-	9.876.800.668	-
- Các khoản phải thu khác	161.186.213	-	115.779.957	-
- Tạm ứng	12.476.114.871	-	5.098.986.653	-
- Ký quỹ ký cược ngắn hạn	311.000.000	-	250.448.550	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	19.208.385.692	-	15.912.343.423	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	150.383.181	-
Công cụ, dụng cụ	75.289.542	-	-	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	47.872.414.799	-	27.120.664.285	-
Tổng	47.947.704.341	-	27.271.047.466	-

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	39.029.973	165.815.944
Các chi phí khác chờ phân bổ	39.029.973	165.815.944
Dài hạn	1.076.160.631	350.755.478
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	76.759.896	350.755.478
Các chi phí khác chờ phân bổ	999.400.735	-
Tổng	1.115.190.604	516.571.422

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2015	15.348.735.286	1.809.477.464	2.498.342.922	19.656.555.672
Tăng trong năm	-	120.227.272	-	120.227.272
Mua trong năm		120.227.272		120.227.272
Giảm trong năm	-	152.974.810	-	152.974.810
Thanh lý, nhượng bán		152.974.810		152.974.810
Số dư tại 31/12/2015	15.348.735.286	1.776.729.926	2.498.342.922	19.623.808.134
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2015	8.270.601.467	1.768.248.877	2.498.342.922	12.537.193.266
Tăng trong năm	1.415.640.352	36.110.859	-	1.451.751.211
Khấu hao trong năm	1.415.640.352	36.110.859		1.451.751.211
Giảm trong năm	-	152.974.810	-	152.974.810
Thanh lý, nhượng bán		152.974.810		152.974.810
Số dư tại 31/12/2015	9.686.241.819	1.651.384.926	2.498.342.922	13.835.969.667
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2015	7.078.133.819	41.228.587	-	7.119.362.406
Tại 31/12/2015	5.662.493.467	125.345.000	-	5.787.838.467

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.125.820.535

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.8 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm tin học VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2015	1.691.436.200	1.691.436.200
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2015	<u>1.691.436.200</u>	<u>1.691.436.200</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2015	960.659.443	960.659.443
Tăng trong năm	264.092.700	264.092.700
Khấu hao trong năm	264.092.700	264.092.700
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2015	<u>1.224.752.143</u>	<u>1.224.752.143</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2015	<u>730.776.757</u>	<u>730.776.757</u>
Tại 31/12/2015	<u>466.684.057</u>	<u>466.684.057</u>

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2015 (VND)			01/01/2015 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	3.000.000.000	2.360.165.463	639.834.537	3.000.000.000	2.626.423.076	(373.576.924)
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí	3.000.000.000	2.360.165.463	639.834.537	3.000.000.000	2.626.423.076	373.576.924
Tổng	<u>3.000.000.000</u>	<u>2.360.165.463</u>	<u>639.834.537</u>	<u>3.000.000.000</u>	<u>2.626.423.076</u>	<u>(373.576.924)</u>

5.10 Người mua trả tiền trước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ban Quản lý công trình xây dựng phát triển đô thị	6.750.000.000	-
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Bộ Ngoại giao	-	2.896.019.000
Bệnh viện Quân y 175 - Bộ Quốc Phòng	5.201.350.000	-
Công ty CP Đầu tư Đô thị và Khu Công Nghiệp Sông Đà 7	1.786.005.612	-
Công ty Tư vấn thiết kế Xây dựng và Quy hoạch Heerim (Heerim Architects & Planner Co., Ltd)	-	1.560.460.205
Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai	1.114.217.000	-
Các đối tượng khác	22.797.868.367	19.450.233.830
Tổng	<u>37.649.440.979</u>	<u>23.906.713.035</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
Phải nộp	807.736.160	2.648.839.761	2.959.656.836	496.919.085
Thuế giá trị gia tăng	715.749.064	1.554.699.850	1.896.966.621	373.482.293
Thuế thu nhập doanh nghiệp	72.319.999	139.452.950	120.177.599	91.595.350
Thuế thu nhập cá nhân	8.315.819	52.372.242	28.846.619	31.841.442
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	889.588.844	889.588.844	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.351.278	12.725.875	24.077.153	-
Phải thu	1.422.409.224	7.317.840.599	7.179.637.968	1.284.206.593
Thuế giá trị gia tăng	1.158.324.824	5.499.024.212	5.062.398.328	721.698.940
Thuế thu nhập doanh nghiệp	163.331.283	1.468.648.780	1.865.701.881	560.384.384
Thuế thu nhập cá nhân	100.753.117	350.167.607	249.414.490	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	2.123.269	2.123.269

5.12 Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	62.598.206.779	49.395.855.174
Kinh phí công đoàn	212.827.579	132.260.131
Bảo hiểm xã hội	12.881.588	4.677.360
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.410.446	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	62.370.087.166	49.258.917.683
<i>Phải trả các chủ nhiệm công trình</i>	<i>1.637.009.646</i>	<i>3.373.393.249</i>
<i>Phải trả các đội, xí nghiệp</i>	<i>43.363.683.395</i>	<i>35.618.260.913</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>2.001.652.965</i>	<i>1.870.392.203</i>
<i>Dương Quốc Doanh - VCC Việt Nam</i>	<i>96.268.542</i>	<i>1.609.642.088</i>
<i>Đào Việt Công</i>	<i>2.958.035.427</i>	<i>41.600.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>12.313.437.191</i>	<i>6.745.629.230</i>
Dài hạn	-	-
Tổng	62.598.206.779	49.395.855.174

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.13 Vay và nợ ngắn hạn/dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		Phát sinh trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	300.000.000	300.000.000	300.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
- Từ 12 tháng - 60 tháng	-	-	-	-	-	-
Vay cá nhân	300.000.000	300.000.000	300.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
Tổng	300.000.000	300.000.000	300.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.14 **Vốn chủ sở hữu**

a. **Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	18.000.000.000	-	6.249.379.210	1.621.091.817	334.032.049	715.605.868	26.920.108.944
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	3.913.035.728	-	3.913.035.728
Tăng trong năm này	-	-	-	-	-	13.133.399	13.133.399
Trích lập các quỹ	-	-	754.512.076	191.703.004	(2.204.284.162)	-	(1.258.069.082)
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	(1.674.027.035)	-	(1.674.027.035)
Phân loại theo TT 200/2014	-	1.812.794.821	-	(1.812.794.821)	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(30.339.852)	-	(30.339.852)
Số dư tại 31/12/2014	18.000.000.000	1.812.794.821	7.003.891.286	-	338.416.728	728.739.267	27.883.842.102
Số dư tại 01/01/2015	18.000.000.000	1.812.794.821	7.003.891.286	-	338.416.728	728.739.267	27.883.842.102
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm này	-	-	-	-	4.319.927.502	-	4.319.927.502
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(1.876.211.369)	-	(1.876.211.369)
Trích lập các quỹ	-	720.369	456.409.744	-	(2.307.554.609)	-	(1.850.424.496)
Phân loại quỹ	-	(5.700.000)	-	-	-	-	(5.700.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(2.463.977)	-	(2.463.977)
Điều chỉnh hợp nhất trong năm	-	-	-	-	-	(122.292.901)	(122.292.901)
Số dư tại 31/12/2015	18.000.000.000	1.807.815.190	7.460.301.030	-	472.114.275	606.446.366	28.346.676.861

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	9.180.000.000	9.180.000.000
Các cổ đông khác	8.820.000.000	8.820.000.000
Tổng	18.000.000.000	18.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	18.000.000.000	18.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	18.000.000.000	18.000.000.000
Cổ tức đã chia	1.876.211.369	1.674.027.035
Phân phối các quỹ	2.307.554.609	2.204.284.162

d. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.800.000	1.800.000
Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.800.000	1.800.000
Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.15 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	113.683.477.453	106.998.419.496
Tổng	113.683.477.453	106.998.419.496
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	698.998.338	-
Tổng	698.998.338	-
Doanh thu thuần		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	112.984.479.115	106.998.419.496
Tổng	112.984.479.115	106.998.419.496

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Giá vốn hàng bán

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.516.994.610	88.317.747.023
Tổng	91.516.994.610	88.317.747.023

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	681.214.145	1.302.809.285
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.934.198	100.000.000
Tổng	684.148.343	1.402.809.285

5.18 Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	17.517.500	9.290.876
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	30.764.066
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	266.257.613	(104.433.424)
Chi phí tài chính khác	259.471	-
Tổng	284.034.584	(64.378.482)

5.19 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý	500.000	-
Thu tiền thuê đất	-	137.133.097
Thu nhập khác	7.567	412.629.696
Thu thanh lý CCDC	5.040.000	-
Tổng	5.547.567	549.762.793
Chi phí khác		
Các khoản truy thu, phạt thuế	-	1.816.724.156
Tiền phạt vi phạm hành chính	-	30.000.000
Chi phí khác	88.245.261	69.425.379
Tổng	88.245.261	1.916.149.535
Lợi nhuận khác	(82.697.694)	(1.366.386.742)

5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.280.682.482	1.631.047.354
Tổng	1.280.682.482	1.631.047.354

5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.424.110.906	4.021.262.581
Lợi ích của cổ đông thiểu số	104.183.404	108.226.853
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	1.887.016.904	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.432.910.598	3.913.035.728
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CPO)	1.800.000	1.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.352	2.174

5.22 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.756.178.549	36.954.915.163
Chi phí nhân công	46.165.937.441	40.530.598.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.715.843.911	1.752.883.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.656.870.462	9.680.078.832
Chi phí khác bằng tiền	17.336.906.543	14.624.003.511
Chi phí dự phòng	(408.856.834)	(940.347.616)
Tổng	112.222.880.072	102.602.131.794

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin so sánh

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên số dư cuối kỳ năm 2014.

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Liễu Bích Liên

Phạm Thị Thăng



Trần Huy Ánh

